
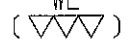


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.							0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0
									-0.005	-0.005
△	2020/01/17	材质错误, ANR79-WC(D30/HIP)		Li_Xin_Xin	Li_Xin_Xin	Ye_Cheng_Jing	0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005
							0.00	± 0.01	0.00 +0	+0
									-0.01	-0.01
							0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01
									-0	-0
							0.	± 0.2	0.0 +0	+0
									-0.1	-0.1
									0.0 -0	+0.1
									-0	-0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED										
FINISH MARKS										
<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> G WE </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around;">   </div>										

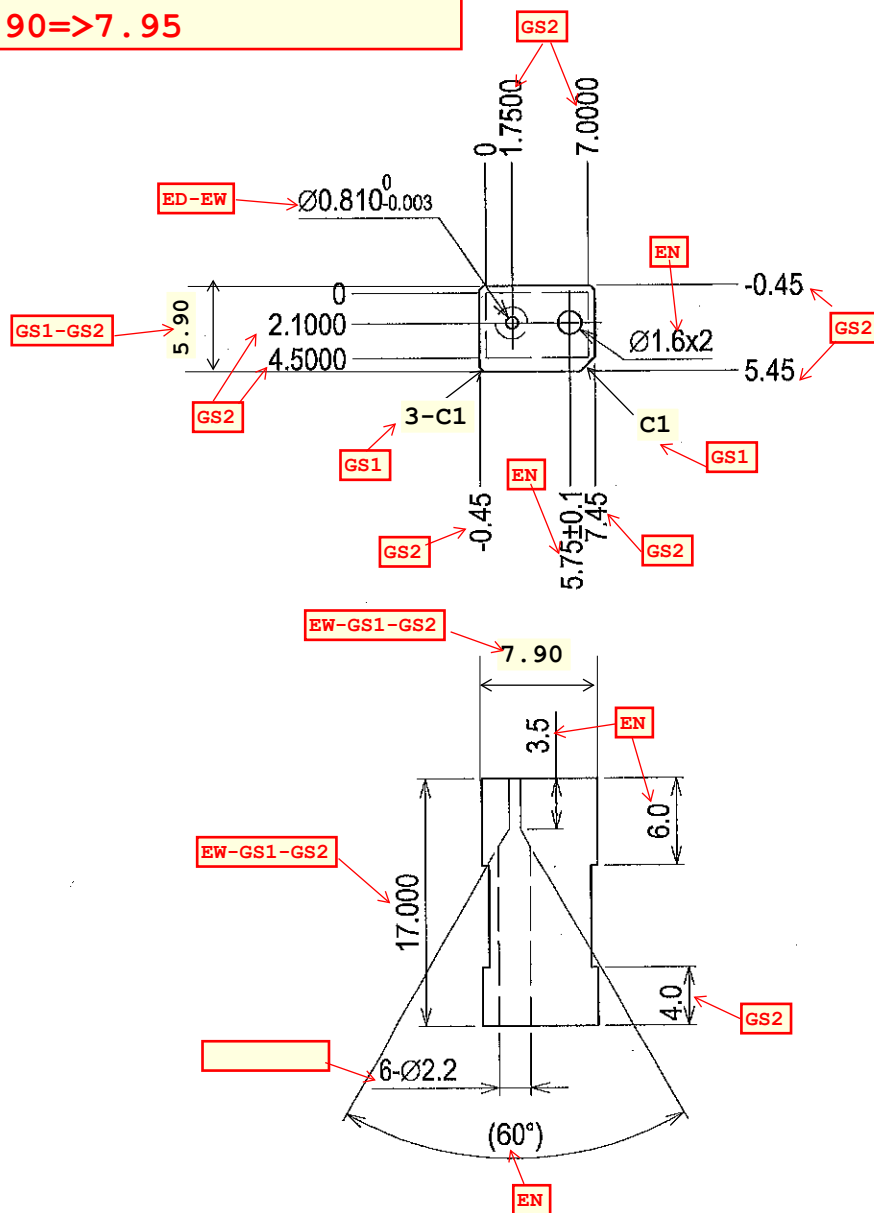
EW1 ra phôi T7*8.4*17.6

GS1:

-17.000=>lượt sáng

-5.90=>5.95

-7.90=>7.95



T7 x 10 x 22

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Cai_Wei_Feng	WC(D30/HIP)		部品図	シール板
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	SEAL PLATE
Li_Xin_Xin		1:1	部品図	垫板
			部品圖	墊板
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Li_Xin_Xin	HRC ~	A4	2018/07/18	R312393

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **R312393**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T7*10*20	EW1:30 GS1:40 ED:20 EW2:60 GS2:120 EN:60 KT